

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/KDTM-ST

Ngày 25/05/2026

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Văn Truyện

Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Mai Ly - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đà Nẵng: Bà Lương Thị Phương Thảo - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2026/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2026/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 04 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 1001/2026/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 05 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V (V1). Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Tuấn A – Phó giám đốc trung tâm thu hồi nợ KHDN và xử lý nợ.

Người được ủy quyền lại gồm: Ông Nguyễn Huy P, ông Nguyễn Mạnh S, ông Trương Hồng A1, bà Cao Thị Vân A2. Địa chỉ: Tầng E, số A P, phường H, thành phố Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền số: 31/2026/UQ – KHDN2 ngày 04/04/2026). Ông Trương Hồng A1, bà Cao Thị Vân A2 có mặt.

*** Bị đơn:** Công ty cổ phần S1. Địa chỉ: Tầng A, đường B, phường H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật ông Trương Văn C – Chức vụ: Tổng giám đốc. Vắng mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trương Văn C, sinh năm: 1978 và bà Võ Thị N, sinh năm: 1979. Cùng địa chỉ: Số nhà B P, tổ H, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay người đại diện của Ngân hàng TMCP V(sau đây viết tắt: V1), trình bày:

Bà Phạm Thị Ngọc T ký kết hợp đồng với Ngân hàng TMCP V (V1) như sau:

Theo thỏa thuận khung về cấp hạn mức tín dụng số LCL – 39422/6991280/TTK, phụ lục các thỏa thuận cụ thể về cho vay ký ngày 21/03/2025:

Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất, được bên ngân hàng và bên vay thỏa thuận trong các khế ước nhận nợ và hoặc các biên bản liên quan ký kết giữa các bên; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10% năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Theo hợp đồng cho vay số CLC-39422-01 ngày 20/03/2025: Số tiền cho vay: 240.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 12 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất sơn, buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Lãi suất cho vay, cơ chế lãi suất cho vay trong hạn: Được V1 và khách hàng thỏa thuận trong các khế ước nhận nợ và/ hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa các bên.

Theo khế ước nhận nợ số: 210325 – 6991280 – QNL ngày 22/03/2025: Số tiền nhận nợ: 240.000.000 đồng, thời hạn vay và trả nợ: 6 tháng tính từ ngày 22/03/2025 đến ngày 22/09/2025, lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất áp dụng đối với số tiền nhận nợ theo khế ước nhận nợ; M lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 21.20%, lãi suất cố định trong vòng 01 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 24/04/2025. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng “lãi suất cơ sở đối với các khoản vay thông thường có thời hạn 6 tháng, kỳ điều chỉnh lãi suất: 1 tháng” tương ứng với đồng tiền cho vay tại “biểu lãi suất cơ sở áp dụng cho các khoản cho vay của khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ” được V1 ban hành và có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 15.50%/năm. Thời hạn trả nợ gốc: Khách hàng phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của KUNN cho bên ngân hàng một lần vào ngày 22/09/2025.

Theo hợp đồng bảo lãnh số: CLC – 7367 – 6991280 C – 01 ngày 14/11/2023; Hợp đồng bảo lãnh số: CLC – 7367 – 6991280 – C – 02 ngày 14/11/2023 thì ông Trương Văn C và bà Võ Thị N đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh (Công ty cổ phần S1) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với bên V1 phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được ký kết trước, trong và sau giữa Công ty cổ phần S1 và V1.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vào ngày 22/09/2025 nên toàn bộ khoản vay trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn. V1 đã nhiều lần đôn đốc tạo điều kiện, tuy nhiên Công ty vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 12/01/2026, Công ty cổ phần S1 còn nợ V1 tổng số tiền: 290.983.088 đồng. Trong đó nợ gốc là: 239.999.329 đồng và nợ lãi: 50.983.759 đồng.

Nay Ngân hàng V1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần S1 thanh toán cho V1 tạm tính đến ngày 10/04/2026 tổng số tiền: 290.983.088 đồng. Trong đó nợ gốc là: 239.999.329 đồng và nợ lãi: 50.983.759 đồng.

Yêu cầu tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp Công ty cổ phần S1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình thì ông Trương Văn C và bà Võ Thị N là người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ cho Công ty cổ phần S1 theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký kết.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu Công ty cổ phần S1 thanh toán cho V1 tạm tính đến ngày 25/05/2026 tổng số tiền: 303.360.340 đồng. Trong đó nợ gốc là: 239.999.329 đồng và nợ lãi: 63.361,011 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Công ty cổ phần S1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn C và bà Võ Thị N để lấy lời khai và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, những người này không có mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Về chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn trong vụ án cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty cổ phần S1 thanh toán cho V1 tạm tính đến ngày 25/05/2026 tổng số tiền: 303.360.340 đồng. Trong đó nợ gốc là: 239.999.329 đồng và nợ lãi trong hạn: 2.982.856 đồng, lãi quá hạn: 63.361,011 đồng.

[3] Ngày 20/03/2025 Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần S1 có ký Hợp đồng cấp tín dụng số: CLC-39422-01. Theo nội dung của hợp đồng Ngân hàng TMCP V cho Công ty cổ phần S1 vay số tiền: 240.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 12 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất sơn, buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất áp dụng đối với số tiền nhận nợ theo khế ước nhận nợ; Mãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 21.20%, lãi suất cố định trong vòng 01 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 24/04/2025. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng “lãi

suất cơ sở đối với các khoản vay thông thường có thời hạn 6 tháng, kỳ điều chỉnh lãi suất: 1 tháng” tương ứng với đồng tiền cho vay tại “biểu lãi suất cơ sở áp dụng cho các khoản cho vay của khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ” được V1 ban hành và có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 15.50%/năm. Thời hạn trả nợ gốc: Khách hàng phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của KUNN cho bên ngân hàng một lần vào ngày 22/09/2025.

Để đảm bảo cho khoản vay thì ông Trương Văn C và bà Võ Thị N đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh (công ty cổ phần S1) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với bên V1 phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được ký kết trước, trong và sau giữa Công ty cổ phần S1 và V1 theo hợp đồng bảo lãnh số: CLC – 7367 – 6991280 C – 01 ngày 14/11/2023; Hợp đồng bảo lãnh số: CLC – 7367 – 6991280 – C – 02 ngày 14/11/2023.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, Công ty cổ phần S1 từ ngày 22/09/2025 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn. Ngân hàng TMCP V đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện về mặt thời gian để thanh toán nợ, tuy nhiên, Công ty cổ phần S1 vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như cam kết như trong hợp đồng tín dụng. Như vậy, có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn Công ty cổ phần S1

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn Công ty cổ phần S1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 15.168.017 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng Điều 463, 464, 465 Bộ luật dân sự.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn Công ty cổ phần S1.

Xử:

1. Buộc Công ty cổ phần S1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V tính đến ngày 25/05/2026 với tổng số tiền là: 303.360.340 đồng. Trong đó nợ gốc là: 239.999.329 đồng và nợ lãi trong hạn: 2.982.856 đồng, lãi quá hạn: 63.361,011 đồng.

2. Kể từ ngày 26/05/2026 Công ty cổ phần S1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng cấp tín dụng số: CLC-39422-01 ngày 20/03/2025 cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty cổ phần S1 không thực hiện việc chi trả thì buộc ông Trương Văn C và bà Võ Thị N phải thực hiện việc chi trả bằng toàn bộ tài sản của mình theo hợp đồng bảo lãnh số: CLC – 7367 – 6991280 C – 01 ngày 14/11/2023; Hợp đồng bảo lãnh số: CLC – 7367 – 6991280 – C – 02 ngày 14/11/2023 đã ký kết với Ngân hàng TMCP V (V1).

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 15.168.017 đồng Công ty cổ phần S1 phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm cho Ngân hàng TMCP V đã nộp là: 6.673.388 đồng theo biên lai thu số 0001151 ngày 02/02/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng
- Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRƯƠNG THANH PHÚC



